

CÂU CHUYỆN VỀ CẶP LIỄN ĐỐI CỦA DÒNG ĐÀO VINH THẠNH

Câu đối thi trên cặp liễn cần tại Từ đường cụ thủy tổ Đào Đức Phú, gọi tắt là Từ đường Bạc 1, mặc dù có một số chữ bị mất nét vì khảm xà cừ bong ra, nhưng với các đại tự vẫn có thể đọc được. Riêng phần lạc khoản viết dọc theo hai bên câu liễn đối, chữ quá nhỏ lại còn bị mất nét, không thể đọc được từ ảnh chụp kém chất lượng. Vậy chỉ còn nhờ các vị thâm Nho, đọc trực tiếp trên liễn cần, thì mới chính xác được, để biết nguồn gốc, xuất xứ cặp liễn đối.

Nguyên văn đối thi khảm trên liễn

荆樹有花兄弟樂
硯田無稅子孫耕

Phiên âm:

*Kinh Thụ Hữu Hoa Huynh Đệ Lạc;
Nghiễn Điền Vô Thuế Tử Tôn Canh.*

Dịch xuôi:

Cây kinh có hoa anh em vui vầy;
Nghiên là ruộng không có thuế, con cháu mặc sức cày cấy.

Dịch thơ nguyên thể:

*Kinh thụ có hoa, huynh đệ thuận;
Ruộng nghiên không thuế, tử tôn chuyên.*

Dịch ra thơ lục bát:

*Cây gai hoa nở lên hương,
Anh em hòa thuận, yêu thương vẹn toàn.
Ruộng nghiên chẳng thuế lo toan,
Cháu con chuyên học, vẻ vang nghiệp nhà.*

Câu liễn đối trên sử dụng tối đa phép ẩn dụ trong các chữ “kinh thụ, nghiễn điền, và canh.” Với chủ đích, câu trên khuyến thiện, câu dưới khuyến học.

Mở đầu câu đối thi, tác giả viết “Kinh thụ” đề cập đến cây kinh, tức cây gai đại cao chừng 1 đến 3 mét, cây mọc thành bụi, thân lại nhiều cành đan xen nhau

và có nhiều gai nhọn, dùng làm hàng rào quanh vườn, ngăn ngừa trộm cắp và phân định ranh giới. Hoa cây gai rất nhỏ, trắng hoặc vàng nhạt, ít trổ hoa, và không rực rỡ. Có một số người lầm chữ “Kinh thụ” (荊樹) cho là “cây tử kinh” (紫荊), do hai tên gọi cùng có chữ “kinh” (荊), nhưng thực tế chúng khác nhau hoàn toàn:

- Cây gai, tên khoa học *Gleditsia sinensis*; có gai; hoa trắng hoặc vàng, đóa nhỏ, thưa thớt; mang ý nghĩa mộc mạc, biểu tượng cho gian khó; dùng làm hàng rào.

- Cây tử kinh, tên khoa học *Cercis chinensis*; không gai; hoa rực rỡ, tím hồng, nở dày; mang ý nghĩa đẹp đẽ, biểu tượng cho sự thông minh, sáng tạo; dùng làm cây cảnh.

Theo điển tích ở nước Tề, thời Chiến Quốc (khoảng năm 403 trước TL đến năm 221 trước TL) có ba anh em họ Điền (田氏三兄弟) là Điền Chân (田真), Điền Tư (田祗) và Điền Cổ (田賈), cùng ở chung một nhà, rất hòa thuận, dù đông con cháu, tài sản nhiều, nhưng không bao giờ tranh giành hay phân chia ruộng vườn. Người đời khen ngợi họ là tấm gương “huynh đệ hòa mục” (anh em hòa thuận). Một lần, có người đi ngang qua nhà họ Điền, thấy cây kinh (荊樹, tức cây gai) trước nhà đồng loạt nở hoa vàng rực. Cây gai vốn xấu xí, khó nở hoa, nên khi nở hoa rực rỡ là điều hiếm thấy. Dân gian tin rằng đó là điềm lành, tượng trưng cho tình anh em hòa hợp, cảm động đến trời đất, khiến cây gai cũng nở hoa. Người đời sau cảm hứng từ điển tích này nên có câu: “Kinh thụ hữu hoa huynh đệ lạc” (荊樹有花兄弟樂).

Còn “nghiên điền,” ẩn dụ cho cái đĩa dùng để mài mực, người ta dùng bút lông chấm vào đĩa mực rồi vẽ tròn cho mực thấm vừa phải để viết chữ Nho, ví như đám ruộng nước nông phu đang cày cấy. Ý nói việc học hành là loại ruộng không đóng thuế:



Nếu cố gắng chăm chỉ sẽ gặt hái kết quả tốt đẹp. Cuối cùng, tác giả dùng chữ “canh” ẩn dụ cho việc dùi mài kinh sử vầy vùng bút nghiên.



Các ảnh được sưu tầm trên trang mạng

Như đã nói trên, phần Lạc khoản trên liền cần, không thể đọc đúng được từ ảnh chụp thiếu sắc nét. May nhờ có ngoại tôn Nguyễn Thị Phụng (ở quê nhà), thỉnh được Tiến sĩ Võ Minh Hải, dạy môn Hán Nôm ở Trường Đại học Qui Nhơn, đọc hộ từ phải qua trái và từ trên xuống, như sau:

- Lạc khoản của vế trên câu đối thi, chỉ có một hàng dọc chữ nhỏ bên phải, gồm 2 mệnh đề, đọc là:

Thành Thái, Bính Ngọ, hạ (mùa hè, năm Bính Ngọ (1906), niên hiệu Thành Thái).

Cung lục Lại bộ Hà Đình thủ bút (làm lại theo thủ bút của quan Lại bộ là ông Hà Đình (có thể chính là ông Nguyễn Thuật, hiệu Hà Đình, người Quảng Nam).

- Lạc khoản của vế dưới câu đối thi, gồm hai hàng dọc chữ nhỏ nằm bên phải và bên trái vế đối dưới, đọc là:

Hàng bên phải: Ấp hạ, Nhơn Ân Phó Tổng Nguyễn Hợp cập hương chức (Ông Phó Tổng Nguyễn Hợp và các Hương chức, tổng Nhơn Ân, Ấp hạ)

- * Hương trưởng Nguyễn Thừa
- * Chánh Tuần Nguyễn Kinh
- * Thủ bản Nguyễn Giản
- * Lý trưởng Nguyễn Lạc
- * Phó lý Nguyễn Đức
- * Chánh Kiểm Nguyễn Ngôn

Đồng bái thượng (cùng dâng lên)

Hàng bên trái: Thư tặng Bá hộ Thụ Đình chủ nhân Đào ông - Thất thập dư khánh (viết tặng ông Bá hộ, tức ông Đào, chủ nhân Thụ Đình {tên của nơi ở}, mừng thọ thọ hơn 70 tuổi).

Vậy nội dung lạc khoản đã rõ. Còn về lai lịch câu đối thi trên liễn cần thì sao?
Căn cứ vào ĐGTP/1885 và ĐGTP/1904 có thể suy đoán như sau:



*Từ đường cụ Thủy Tổ, Bạc 1, dòng Đào Vinh Thạnh
Tọa lạc trong Cửa Lý Môn*



*Liễn cần thờ ở Từ đường Bạc 1:
荆樹有花兄弟樂/硯田無稅子孫耕*

Kinh Thụ Hữu Hoa Huynh Đệ Lạc/ Nghiễn Điền Vô Thuế Tử Tôn Canh
 Việt Thao phụng dịch
Kinh Thụ có hoa huynh đệ thuận/ Ruộng nghiễn không thuế tử tôn chuyên.

Cụ Đào Đức Nương (thế hệ Thứ 4) lúc 30 tuổi ta (1839) có dịp ra Kinh đô Huế ở thời gian dài để kêu oan cho chú ruột là Đào Đức Huyền (thế hệ Thứ 3) mua lầm vàng "nhai kim"; đến năm Cụ 39 tuổi ta (1848) việc khiếu nại cho chú mới được giải oan miễn cứu (ĐGTP/1885, tờ 14a, trang 27).

Trong 9 năm ở kinh đô, cụ đã tiếp cận được nền văn minh của kinh thành và sự hiếu học của dân chúng đất kinh đô. Cụ đã thấy việc học hành khoa bảng là cần thiết làm mở mang trí thức và nâng cao địa vị trong xã hội. Thế nhưng, làng Vinh Thạnh thời ấy và trước đó, hầu như hiếm thấy ai theo đuổi việc học để đạt khoa bảng, vì thí sinh phải ra tận kinh đô Huế tốn kém lắm, lại nữa cuộc thi kéo dài cả tháng, mà sự thành đạt rất khó khăn vì tỷ lệ lấy trúng tuyển chừng 1/100. Nên cả làng Vinh Thạnh chỉ có Nguyễn Văn Bằng là người khai khoa. Ông đỗ Cử nhân thứ 33/46, khoa Bính Ngọ, niên hiệu Thiệu Trị thứ 8, tức năm 1846, tại Trường thi Thừa Thiên.

Bởi cảm hứng việc hiếu học ở đất kinh đô là nguyên nhân chính của sự hình thành cặp liên đối treo ở Từ đường Bậc 1 của Đào tộc làng Vinh Thạnh. Từ đó, thử phảng tìm xuất xứ câu thơ đối này:

- Có nhiều khả năng trong thời gian dài sống ở Kinh đô, Cụ đã sưu tầm câu thơ ấy trong cổ thư; hoặc bắt gặp câu ấy truyền tụng trong dân gian ở xứ thần kinh, là vùng đất nổi tiếng việc học hành. Cụ rất đặc ý câu ấy, vì không những khuyến học mà còn khuyến thiện "huynh đệ lạc." Học và hạnh phải đi đôi, có tài phải có đức thì mới thành người vẹn toàn.

Tìm được câu thơ lý tưởng để làm kim chỉ nam trong việc giáo dục đàn con cháu. Năm 1848, cụ rời Huế hồi hương mang theo hoài bảo khuyến học cho Đào tộc, thì 2 năm sau Trường thi Bình Định được thành lập (1850-1918). Năm 1857, lúc Đào Tấn được 13 tuổi, Cụ Nương cho đến thọ giáo Cụ Tú Nguyễn Diêu ở làng Nhơn Ân, thuộc tổng Nhơn Ân. Năm 1867, Đào Tấn đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão, tại Trường thi Bình Định.

Tiếp sang thế hệ Thứ sáu, có 4 cháu nội của Cụ Nương đỗ Cử Nhân, gồm:

- Đào Bá Quát, đỗ khoa Đinh Dậu (1897), tại Trường thi Bình Định;
- Đào Thoại Thạch, đỗ khoa Quý Mão (1903), ở Trường thi Thừa Thiên;
- Đào Nhữ Tuyên, đỗ khoa Quý Mão (1903), ở Trường thi Thừa Thiên;
- Đào Trọng Tập, đỗ khoa Quý Mão (1903), tại Trường thi Bình Định.

Ngoài ra còn 5 cháu nội đỗ Tú tài, gồm: Đào Đức Hùng, Đào Tử Chấn, Đào Khả Vọng, Đào Nhữ Thuần, Đào Nhữ Tiếu.

Năm 1903, đánh dấu một sự kiện chưa từng có trong lịch sử khoa cử thời Nho học của tỉnh Bình Định có 3 tân khoa Cử nhân, cùng anh em một nhà, một họ, một làng, và một khoa Quý Mão. Thành quả ấy, đem lại vinh dự cho làng Vinh Thạnh nói riêng và tổng Nhơn Ân nói chung. Năm ấy, tổng nhà tập trung dân chúng 34 làng, tổ chức cuộc đón rước linh đình 3 tân khoa về đình Vinh Thạnh và Từ đường Đào tộc vinh quy bái tổ.

Vì thế, viên chức của tổng Nhơn Ân quyết định phải kính biếu Đào tộc một báu vật gì có ý nghĩa nhất vừa lễ mừng, vừa tôn vinh, vừa lưu niệm. Vậy, chỉ có việc “Đồng bái thưởng” (cùng dâng lên) liễn căn, bằng gỗ mun, khảm xà cừ, nhân dịp năm 1906, con cháu mở tiệc mừng cụ Bá hộ Đào Đức Hanh (sinh năm 1837), tộc trưởng Đào tộc Vinh Thạnh, và là Chủ tự Từ đường Bậc 1 (thế hệ Thứ 5), đạt tuổi thất tuần, cái tuổi mà “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*” (thơ của Đỗ Phủ) và chọn câu đối thi do cụ Đào Đức Nương đem từ Kinh Thành Huế về để khuyến học con cháu quả là thần thi. Chọn được đối thi, chọn được dịp đi lễ mừng, chọn được người nhận lễ mừng, chỉ còn chọn người thủ bút sao cho xứng. Cụ Phó bảng Hà Đình Nguyễn Thuật (1842-1912) người làng Hà Lam, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam là bậc danh sĩ và danh thần triều Nguyễn, cũng là bạn chí thân với cụ Đào Tấn, cũng nổi tiếng thanh liêm, được thỉnh cầu thủ bút.

Đến nay, liễn căn ấy vẫn còn treo ở cột hàng nhất Từ đường Bậc 1 của Đào tộc, tuy qua thời gian 119 năm (1906-2025), trải qua bao cuộc chiến, có lúc phải đem ra vườn cất giấu, phòng cháy nhà vì bom đạn. Trải nhiều phong sương mưa nắng mà gỗ mun không bị nứt nẻ, vẫn bóng láng như xưa, chỉ có vài mảnh xà cừ bị bong ra, làm chữ Nho bị thiếu nét, rất khó đọc.

Vậy bốn phận con cháu nội ngoại Đào tộc phải gìn giữ và lưu truyền câu liễn đối này để làm kim chi nam cho lớp hậu duệ.

San Jose ngày 9- 10- 2025

Huyền tôn Đào Đức Chương